

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Bắc Giang, ngày 11 tháng 6 năm 2021

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 06/2021/HĐKT-AC-CNKC

Do vẽ bản đồ địa hình hiện trạng và Lập Đề án đóng cửa mỏ khai thác khoáng sản đồng tại mỏ Đồng Bua, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ:

- Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/4/2005 và các căn cứ hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010
- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;
- Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Luật đầu tư số: 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 30/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/05/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.
- Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công thương quy định về nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản.
- Thông tư số 45/2016/TT - BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết



quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ Trung tâm Triển khai Công nghệ khoáng chất;
- Căn cứ theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường;

Hôm nay, ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường, chúng tôi gồm:

1. BÊN GIAO THẦU (sau đây gọi là bên A)

- Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**
- Đại diện: Bà **Phạm Thị Thúy Hạnh** - Chức vụ: **Tổng giám đốc**
- Địa chỉ: Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
- Điện thoại: 0204.222.6669
- Tài khoản: 1460201018267 tại ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Nam Hà Nội
- Mã số thuế: 0100511368

2. BÊN NHẬN THẦU (sau đây gọi là bên B)

- Tên đơn vị: **TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT**
- Đại diện: Ông **Lê Tiến Dũng** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Phòng 2, tầng 1, nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 7523043 - Fax: 0243 7523043;
- Tài khoản: 3100211000523; Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Từ Liêm - Hà Nội;
- Mã số thuế: 0100763608;

Hai bên thống nhất cam kết thực hiện những điều dưới đây như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận thực hiện công việc Đo vẽ bản đồ địa hình hiện trạng và Lập Đề án đóng cửa mỏ khai thác khoáng sản đồng tại mỏ Đồng Bura, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, bao gồm các công việc cụ thể như sau:

- 1.1. Đo vẽ Bản đồ địa hình hiện trạng trên diện tích thuê đất và cấp phép khai thác khoáng sản do bên A cung cấp;
- 1.2. Phục chế, số hóa các tài liệu bản giấy liên quan đến mỏ trong các giai đoạn phê duyệt trữ lượng đến thiết kế cơ sở, thiết kế thi công để phục vụ công tác lập Đề án Đóng cửa mỏ;
- 1.3. Khảo sát thực địa lập đề cương và dự toán Đề án đóng cửa mỏ khai thác khoáng sản đồng tại mỏ Đồng Bura, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
- 1.4. In xuất bản và Báo cáo nội dung đề án đóng cửa mỏ trước Hội đồng thẩm định;

- 1.5. Hoàn thiện, sửa chữa báo cáo theo các ý kiến của các cơ quan chức năng, in xuất bản và nộp hoàn thiện.

ĐIỀU 2: VỀ TRÁCH NHIỆM, CHẤT LƯỢNG

2.1. Đối với bên B:

1. Chuẩn bị trang thiết bị, nhân lực triển khai lập báo cáo;
2. Thực hiện các hạng mục công việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật;
3. Chịu trách nhiệm với bên A về tính trung thực và hiệu quả của báo cáo;
4. Có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa báo cáo theo các yêu cầu của cơ quan chức năng, chủ đầu tư;
5. Chịu trách nhiệm trước bên A về tính chính xác, độ tin cậy của sản phẩm khi giao nộp cho bên A.

2.2. Đối với bên A:

1. Cung cấp các tài liệu liên quan đến khu vực khai thác mỏ, các văn bản pháp lý: bản đồ hiện trạng thuê đất, khai thác; Phê duyệt trữ lượng; hồ sơ thiết kế cơ sở; hồ sơ đánh giá tác động môi trường; cải tạo phục hồi môi trường; giấy phép khai thác khoáng sản; hồ sơ thiết kế thi công; báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản; hồ sơ liên quan về thuế đối với mỏ; hồ sơ thuê đất; thống kê các công trình phụ trợ, thiết bị đầu tư xây dựng và trong khai thác,...
2. Chịu trách nhiệm tổ chức và phương tiện đi lại khi các cơ quan chức năng yêu cầu kiểm tra thực địa.
3. Sau khi bên B bàn giao tài liệu, bên A phối hợp cùng bên B giải trình, bảo vệ đề án với Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang.
4. Cử cán bộ theo dõi khối lượng công việc và tiến độ thực hiện của hợp đồng.

ĐIỀU 3: SẢN PHẨM GIAO NỘP

Khi hoàn thành từng nội dung công việc ở điều 1, bên B phải nộp cho bên A các sản phẩm theo quy định. Hai bên cùng ký kết biên bản giao nhận các sản phẩm làm cơ sở để thanh lý hợp đồng, cụ thể như sau:

- 3.1. Bản đồ địa hình hiện trạng mỏ (2 khu riêng biệt) file số;
- 3.2. Đề án đóng cửa mỏ khai thác khoáng sản đồng tại mỏ Đồng Bura, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Số lượng: 10 bộ trình hội đồng lần 1;
- 3.3. Đề án đóng cửa mỏ khai thác khoáng sản đồng tại mỏ Đồng Bura, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang cùng các văn bản giải trình; Số lượng: 04 bộ/lần trình Sở, Ủy ban theo các lần tiếp theo;
- 3.4. Bản số được ghi trên USB hoặc đĩa CD đầy đủ các nội dung hồ sơ (bao gồm các file hình thành nên hồ sơ) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Địa điểm giao nộp: Văn phòng Công ty; qua đường bưu điện.

ĐIỀU 4: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 4.1. Thời gian hiệu lực của hợp đồng:
 - Hợp đồng có hiệu lực bắt đầu từ ngày ký hợp đồng;

- Hợp đồng kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nội dung của hợp đồng hoặc hai bên thống kết thúc nội dung công việc, hai bên tiến hành lập biên bản thanh lý hợp đồng, kể cả các phức lục của hợp đồng này.

4.2. Thời gian thực hiện của hợp đồng:

- Thời gian thực hiện của hợp đồng được tính từ khi bên A tạm ứng cho bên B để triển khai các công việc đã nêu tại điều 1 đến khi bên B giao nộp hồ sơ cho bên A;
- Thời gian thực hiện công việc tại điều 1 không bao gồm thời gian chờ đợi cung cấp tài liệu hoặc thời gian chờ đợi khác từ bên A;
- Thời gian chờ đợi thẩm tra, thẩm định, thụ lý hồ sơ từ các cơ quan chức năng không tính vào thời gian thực hiện của hợp đồng;
- Thời gian thực hiện các hạng mục của hợp đồng như đã nêu ở điều 1 được hai bên thống nhất là 90 ngày.

Tuỳ theo điều kiện thực tế, bất khả kháng có thể thay đổi thời gian thực hiện và thông báo bằng văn bản cho các bên.

ĐIỀU 5: HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG, GIÁ HỢP ĐỒNG

5.1. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá thỏa thuận và cố định.

5.2. Giá của hợp đồng:

- Tổng giá trị của hợp đồng là: **385.000.000 đồng**. (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn). Giá trên đã bao gồm thuế VAT (10%) và các khoản phí khác. Chi tiết ở bảng sau.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Bảng tổng hợp khối lượng công việc và giá trị

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Đo vẽ bản đồ địa hình hiện trạng	khu	2	20 000 000	40 000 000
2	Phục chế, số hóa hồ sơ thiết kế cơ sở	tài liệu	1	20 000 000	20 000 000
3	Phục chế, số hóa hồ sơ thiết kế thi công	tài liệu	1	20 000 000	20 000 000
4	Số hóa các tài liệu, bảng biểu báo cáo	tài liệu	1	4 500 000	4 500 000
5	Lập đề án đóng cửa mỏ - Thuyết minh - Bộ bản vẽ	bộ	1	180 000 000	180 000 000
6	In báo cáo	bộ	10	300 000	3 000 000
7	Thực địa khảo sát mỏ	lượt	1	15 000 000	15 000 000
8	Hợp báo cáo, giải trình	lần	1	30 000 000	30 000 000
9	Chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ	lần	1	30 000 000	30 000 000
10	In, xuất bản các lần sau	bộ	30	250 000	7 500 000
	Tổng				350 000 000
	Thuế VAT (10%)				35 000 000
	Tổng giá trị				385 000 000

ĐIỀU 6: TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN HỢP ĐỒNG

6.1. Tạm ứng hợp đồng

- Tạm ứng đợt 1: Sau khi hợp đồng được ký kết, bên A sẽ ứng cho bên B số tiền: **50.000.000 đồng** (Năm mươi triệu đồng chẵn) theo hình thức chuyển khoản để bên A thực hiện công việc đo vẽ bản đồ và số hóa các tài liệu.

- Tạm ứng đợt 2: Bên A tạm ứng cho bên B số tiền: **100.000.000 đồng** (Một trăm triệu đồng chẵn) để bên B tiến hành số hóa tài liệu và thực hiện một số công việc trong lập đề án đóng cửa mỏ.

- Tạm ứng đợt 3: Khi bên B có bản thảo hồ sơ Đề cương đóng cửa mỏ trình bên A, bên A tạm ứng cho bên B số tiền: **100.000.000 đồng** (Một trăm triệu đồng chẵn) để bên B hoàn thiện in sao báo cáo và tiến hành các công tác tiếp theo trình các cơ quan chức năng thẩm định hồ sơ.

- Tạm ứng đợt 4: Khi thành lập hội đồng thẩm định (hội đồng thực địa kiểm tra mỏ) bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền: **50.000.000 đồng** (Năm mươi triệu đồng chẵn) để bên B sao in tài liệu và chuẩn bị hồ sơ và hoàn thiện, chỉnh sửa trình nộp.

6.2. Thanh toán hợp đồng

Sau khi bên A được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khai thác khoáng sản đồng tại mỏ Đồng Bura, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, không quá 15 ngày, hai bên cũng ký kết biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

Nếu có phát sinh hai bên ký kết phụ lục hợp đồng và tiến hành nghiệm thu thanh lý theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng.

Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn (VAT) theo thanh lý hợp đồng đã ký, bên A chuyển nốt số tiền còn lại phù hợp theo biên bản nghiệm thu thanh lý và hóa đơn cho bên B.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CAM KẾT

7.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của hợp đồng, không được đơn phương thay đổi, hủy bỏ hợp đồng khi chưa được bên đối tác đồng ý bằng văn bản.

7.2. Bên nào vi phạm các điều khoản ghi trong hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất và phải bồi hoàn chi phí mà bên kia bỏ ra.

7.3. Trường hợp bất khả kháng: nếu do thiên tai hoặc một lý do khách quan nào khác không thuộc phạm vi giải quyết của bên A và bên B mà hợp đồng không thực hiện được thì hợp đồng sẽ chấm dứt, không bên nào chịu trách nhiệm trước bên nào.

ĐIỀU 8: THỦ TỤC TRANH CHẤP

8.1. Hợp đồng này là căn cứ cho mọi thỏa thuận ký kết của hai bên và là cơ sở để giải quyết mọi vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

8.2. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì trở ngại phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực cùng nhau bàn bạc tìm giải pháp để khắc phục.

8.3. Hai bên cam kết nghiêm chỉnh chấp hành những nội dung đã ghi trong hợp đồng. Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện, có gì vướng mắc hai bên gặp nhau bàn bạc giải quyết.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.
- Hai bên thống nhất cùng ký tên./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thùy Hạnh

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
PGS-TS. Lê Tiến Dũng